ANNUAL REPORT 2012

OPC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Sứ Mệnh

1. Cung cấp sản phẩm chất lượng cao, mang tính đột phá, đáp ứng nhu cầu chăm sóc & bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
2. Tạo ra những việc làm có ý nghĩa; giáo dục người lao động sự tôn trọng, yêu thương & trách nhiệm đối với cuộc sống, con người & xã hội.
3. Mang lại giá trị gia tăng & lợi ích thiết thực cho khách hàng, cổ đông & người lao động.
4. Góp phần nâng cao vị thế ngành y dược cổ truyền & công nghiệp dược Việt Nam.

Tầm Nhìn

Trở thành tập đoàn dược phẩm vững mạnh tại Việt Nam, đồng hành với sự phát triển của cộng đồng.

Lĩnh Vực Hoạt Động

Trồng và chế biến dược liệu. Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm, thực phẩm. Sản xuất, mua bán nước uống có cồn, nước uống có gaz...

OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống

OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống

Trước những tác dụng phụ không mong muốn ngày càng phổ biến và đa dạng của tân dược, con người có xu hướng quay về với sản phẩm có nguồn gốc dược liệu thiên nhiên. OPC với dòng sản phẩm chủ lực được bào chế từ thảo dược, trên nền tảng các bài thuốc cổ truyền phương Đông được sử dụng và lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Kết hợp với công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tối ưu hóa chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, thuận tiện trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng, sản phẩm OPC luôn mang hương vị, hơi thở thiên nhiên vào tâm hồn, cuộc sống hằng ngày của mọi người và bảo vệ thiên nhiên, hòa quyện với thiên nhiên.

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT 4

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN 6

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ 16

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 18

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT 20

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS 23

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 24

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG 25

CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 26

BÁO CÁO THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN 27

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN 28

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 31

CÔNG TÁC XÃ HỘI 32

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2013 33

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 35

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Năm 2012 đã khép lại với nhiều thách thức và biến động của nền kinh tế trong nước cùng thế giới. Vượt lên những khó khăn đó, OPC đã kết thúc năm tài chính 2012 một cách thành công, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2012 mà ĐHĐCĐ đã giao phó với những con số ấn tượng về doanh thu, lợi nhuận và các hoạt động trên nhiều lĩnh vực, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như trách nhiệm đối với xã hội.

Tổng doanh thu năm 2012 là 504,34 tỉ đồng, đạt 107,31% so với kế hoạch và 123,06% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế 75,05 tỷ đồng, đạt 115,5% so với kế hoạch năm, đạt 118,69% so với cùng kỳ năm 2011. Thu nhập bình quân 10,49 triệu đồng/người/tháng tăng 1 triệu đồng so với kế hoạch và cùng kỳ.

Ngày 24/10/2012, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập và phát triển (24/10/1977 - 24/10/2012) tại nhà máy mới, với khuôn viên rộng 5,2 ha tại ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Qua 35 năm hoạt động và thăng trầm, đến nay, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã phát triển vượt bậc, ngoài trụ sở chính 1017 Hồng Bàng - Quận 6 - Tp. Hồ Chí Minh cùng mạng lưới phân phối 9 chi nhánh trên toàn quốc; Công ty đã xây dựng thành công và đưa vào vận hành nhà máy mới đạt tiêu chuẩn GMP WHO quy mô ngang tầm khu vực, là một trong những nhà máy Đông dược hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Thương hiệu OPC được người tiêu dùng trong và ngoài nước biết đến như một trong những thương hiệu dược phẩm uy tín hàng đầu. Năm 2012, OPC vinh dự thuộc Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Bên cạnh đó, OPC còn tự hào là doanh nghiệp Dược Việt Nam duy nhất 3 lần liên tiếp được nhận biểu trưng Thương hiệu Quốc gia của Chính phủ nhằm tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu, đảm bảo 3 giá trị "Chất lượng – Đổi mới, sáng tạo – Năng lực lãnh đạo – những giá trị nền tảng đối với sự phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua như sau:

- Tổng doanh thu: 550 tỉ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 80 tỉ đồng.
- Cổ tức: 20%
- Thu nhập bình quân: 10,5 triệu đồng/tháng/người.

Tiếp tục triển khai thành lập thêm các chi nhánh trên địa bàn toàn quốc, cơ quan đại diện của Công ty tại nước ngoài, mở rộng hoạt động phân phối, thâm nhập thị trường quốc tế, chủ động nguồn cung ứng nguyên liệu đạt chất lượng và giá cả hợp lý, cập nhật và phát triển trình độ khoa học kỹ thuật; tiếp tục phát huy hiệu quả dự án nuôi trồng - chế biến dược liệu tại Bắc Giang và từng bước áp dụng GACP theo lộ trình của Bộ Y Tế; duy trì hoạt động quản lý chất lượng theo GPs WHO & ISO 9001:2008; chuyển hướng đầu tư sử dụng hiệu quả khu đất 1017 Hồng Bàng – Quận 6 – TP. Hồ Chí Minh.

Với nền tảng Y Dược cổ truyền, áp dụng kiến thức và công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và nguồn nhân lực có "tâm" có "tài" OPC sẽ tiếp tục tạo ra nhiều dòng sản phẩm độc đáo, đáp ứng thị hiếu khách hàng, phục vụ nhu cầu sử dụng thuốc trong nước và xuất khẩu, đưa OPC vươn lên tầm cao mới, có trách nhiệm lớn hơn với cộng đồng và xã hội.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gởi lời cảm ơn trân trọng nhất đến quý cổ đông, nhà đầu tư, quý khách hàng, các nhà cung cấp, quý cơ quan ban ngành đoàn thể đã tín nhiệm, ủng hộ Công ty trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, cho tôi bày tỏ tấm lòng biết ơn sâu sắc đến toàn thể Cán bộ công nhân viên đã đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, vượt qua mọi khó khăn, thách thức đồng hành cùng chúng tôi suốt 35 năm qua và cả chặng đường phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cùng Gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng,

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

DS. Trịnh Xuân Vương
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP CÔNG TY

1977

Thành lập ngày 24/10/1977 theo quyết định số 1176/ BYT-QĐ, mang tên **Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 – OPC** (Oriental Pharmaceutical Company).

2002

Ngày 08/02/2002 theo quyết định số 138/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 - OPC thành **Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC,**
tên giao dịch quốc tế:
OPC Pharmaceutical Joint Stock Company.

1980

Huân chương Lao động hạng III.

1983

Huân chương Lao động hạng II.

1994

Đơn vị xuất khẩu mạnh nhất trong Tổng Công ty Dược Việt Nam với kim ngạch đạt 1,4 triệu USD. Cao sao vàng và các sản phẩm OPC đã có mặt tại 15 nước trên thế giới.

1997

Huân chương Lao động hạng I.

Đơn vị đầu tiên áp dụng công nghệ chiết xuất dược liệu đa năng tiên tiến.

1998

Lần đầu tiên giới thiệu dược phẩm Viên trị sỏi thận Kim Tiền Thảo "Ông Già" tại thị trường Việt Nam, "Có Kim Tiền Thảo OPC trị sỏi thận là tôi yên tâm" đã trở thành một trong 10 sự kiện nổi bật nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam.

2000

Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

2001

Bản ký kết hợp tác liên doanh giữa OPC và Công ty TNHH Phát triển khoa học kỹ thuật Y dược Kiện Kiều – Trung Quốc sản xuất thuốc trị sốt rét CV8®, CV Artecan® phục vụ chương trình phòng chống sốt rét quốc gia.

2002

Đại hội Đại biểu cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ngày 19/3/2002.

Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2002 - 2006).

2005

Huân chương Độc lập hạng III.

Một trong những đơn vị sản xuất thuốc đông dược đầu tiên được cấp giấy chứng nhận GMP – GLP – GSP.

2006

Đại hội Đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2006 - 2011).

2007

Doanh nghiệp sản xuất đông dược đầu tiên phát hành cổ phiếu ra công chúng (01/02/2007).

Thành lập Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương vốn điều lệ 15 tỉ đồng.

Thương hiệu dẫn đầu HVNCLC – Top 100 Sao Vàng Đất Việt.

Cờ truyền thống của UBND TP.HCM nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty.

2008

Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán OPC tại Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (30/10/2008).

Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO, GLP, GSP.

Thương hiệu nổi tiếng theo nhận biết của người tiêu dùng VN do AC Nielsen & VCCI thực hiện.

Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất việt 2008 do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ VN trao tặng.

Bằng khen của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế cho đơn vị đã có nhiều thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia Hội nhập kinh tế quốc tế.

Bằng khen của Bộ trưởng BYT tặng đơn vị đã có nhiều thành tích xuất sắc thực hiện Chính Sách Quốc Gia về Y Dược Cổ truyền giai đoạn 2003 – 2008.

Doanh nghiệp tiêu biểu về An toàn lao động do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trao tặng.

Giải "Thương hiệu mạnh Việt Nam" 5 năm liền (2004 – 2008) do Thời báo Kinh tế VN tổ chức.

Thương hiệu Quốc gia duy nhất ngành dược phẩm Việt Nam.

2009

Ngày 27/12/2009 khởi công xây dựng Nhà máy Dược phẩm đạt GMP WHO tại ấp Tân Hóa – xã Tân Vĩnh Hiệp – huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương.

Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 12 năm liền (1998 - 2009).

Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.

Cúp vàng hội nhập WTO cho sản phẩm Dầu Khuynh Diệp Mẹ Bồng Con.

2010 - 2011

OPC là công ty dược phẩm duy nhất trong 27 doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ II.

Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 5 năm liền (2007 - 2011).

Hàng Việt Nam Chất lượng Cao 14 năm liền (1998 - 2011).

Bộ trưởng BYT tặng bằng khen cho đơn vị đạt thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch Y tế giai đoạn 2006-2010.

OPC là doanh nghiệp dược duy nhất trong 9 doanh nghiệp Tp.HCM được tặng Bằng khen "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tp.HCM.

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2011 - 2016).

Bằng khen của BCH Công đoàn Y tế về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2011.

Bộ trưởng Bộ Y Tế tặng bằng khen cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng thuốc.

2012

OPC là công ty dược phẩm duy nhất đạt Thương hiệu Quốc gia ba lần liền (2008 - 2012).

Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 6 năm liền (2007 - 2012).

Hàng Việt Nam Chất lượng Cao 15 năm liền (1998 - 2012).

Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận nhà máy sản xuất tại Bình Dương đạt tiêu chuẩn GMP WHO số 86/GCN-QLD ngày 21/03/2012.

Kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2013

Hàng Việt Nam Chất lượng Cao 16 năm liền (1998 - 2012).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Địa chỉ 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại 08.37517111 - 08.38756619

Fax 08.38752048

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com

NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM OPC tại BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV OPC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại 0650.3632732

Fax 0650.3632345

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com

CTY CỔ PHẦN DƯỢC OPC - BẮC GIANG

Địa chỉ Thôn Bình An, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang

Điện thoại 0240.3559494

Fax 0240.3559494

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại 08.37511321
Fax 08.37511321
Website www.opcpharma.com
Email opchcm@opcpharma.com

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ Lô A1-42, Đường số 10, Khu nhà ở Nam Long, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Cần Thơ
Điện thoại 0710.3837999
Fax 0710.3736678
Website www.opcpharma.com
Email opccantho@opcpharma.com

CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Địa chỉ 37/6A Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại 073.3979199
Fax 073.3958899
Website www.opcpharma.com
Email opctiengiang@opcpharma.com

CHI NHÁNH MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ	09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa - Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	0650.3632788
Fax	0650.3632177
Website	www.opcpharma.com
Email	opcmiendong@opcpharma.com

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Địa chỉ	38 Trương Văn Bang, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại	064. 3832364
Fax	064. 3832364
Website	www.opcpharma.com
Email	opcvungtau@opcpharma.com

CHI NHÁNH NHA TRANG

Địa chỉ	70B Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại	058.3871315
Fax	058.3871315
Website	www.opcpharma.com
Email	opcnhatrang@opcpharma.com

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ	612 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại	0511.3697888
Fax	0511.3697973
Website	www.opcpharma.com
Email	opcdanang@opcpharma.com

CHI NHÁNH NGHỆ AN

Địa chỉ	99B Nguyễn Thái Học, Phường Lê Lợi, TP. Vinh Tỉnh Nghệ An
Điện thoại	038.3585239
Fax	038.3585238
Website	www.opcpharma.com
Email	opcnghean@opcpharma.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ	Số 26BT1, Lô 2, Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại	04.37875337
Fax	04.37875338
Website	www.opcpharma.com
Email	opchanoi@opcpharma.com

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

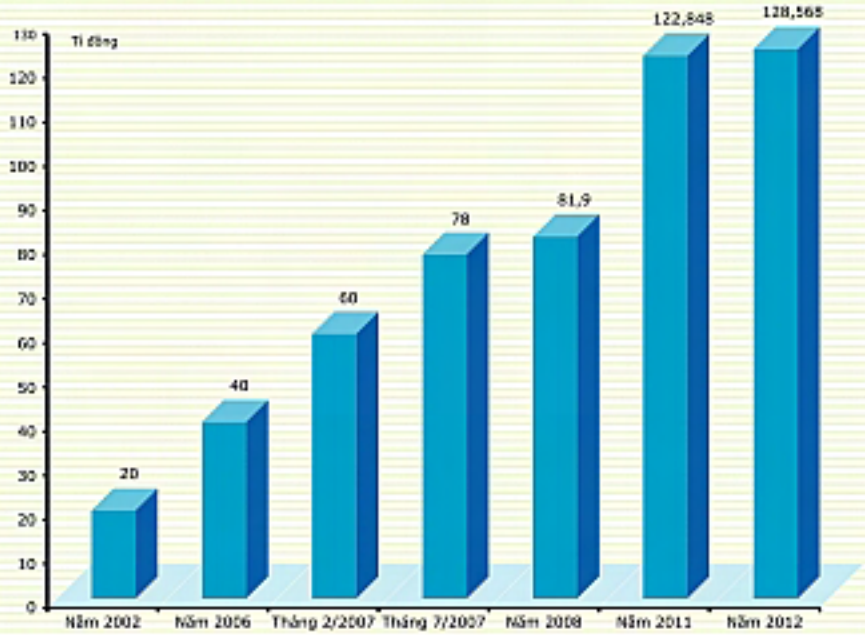

Năm 2002	Vốn điều lệ ban đầu **20** tỉ đồng.
Tháng 4/2006	Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1, vốn điều lệ đã tăng lên **40** tỉ đồng.
Tháng 2/2007	Phát hành cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá đã tăng vốn điều lệ lên **60** tỉ đồng và đem lại nguồn vốn thặng dư là 109.629.836.238 đồng.
Tháng 7/2007	Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 30% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỉ đồng lên **78** tỉ đồng.
Tháng 1/2008	Phát hành thêm cổ phiếu với tỉ lệ phân bổ quyền 20:1 bằng mệnh giá đã tăng vốn điều lệ lên **81,9** tỉ đồng.
Tháng 10/2011	Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 50% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ **81,9** tỉ đồng lên **122,8486** tỉ đồng.
Tháng 8/2012	Phát hành cổ phiếu cho người lao động là cán bộ chủ chốt đã tăng vốn điều lệ từ **122,8486** tỉ đồng lên **128,5686** tỉ đồng.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 06/3/2013:

Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng vốn cổ phần	12.856.860	100,00
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	5.306.742	41,276
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	4.190.179	32,591
Cổ đông sở hữu dưới 1%	3.359.939	26,133

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trịnh Xuân Vương - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Giám Đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Ông Nguyễn Chí Linh - Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Ông Nguyễn Đăng Thoại - Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Ông Ngô Tân Long - Thành viên HĐQT

Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Ông Lê Minh Điểm - Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

Ông Trương Đức Vọng - Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Chí Linh - Tổng giám đốc
Sinh năm 1959 tại Hà Tĩnh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư sinh hóa năm 1981. Hiện nay giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT OPC kể từ ngày 14/4/2011 và Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương kể từ ngày 21/4/2011.

Ông Nguyễn Đăng Thoại - Phó Tổng giám đốc
Sinh năm 1968 tại Quảng Nam, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1991, thạc sĩ dược học năm 2005, tiến sĩ dược học năm 2011. Hiện nay là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC và được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 21/4/2011.

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Năm - Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tấn - Thành viên Ban kiểm soát

Giám đốc Tổ chức Lao động

Ông Lê Vũ Thuật - Thành viên Ban kiểm soát

Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Thế Đề

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Công ty

Giám đốc Hành chính Quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Hội Đồng Quản Trị OPC
Hội Đồng Thành Viên OPC - Bình Dương
Ban Kiểm Soát
Kiểm Soát Viên
Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc
Giám Đốc Cty TNHH MTV Dược Phẩm OPC-Bình Dương
GĐ Nghiên Cứu & Phát Triển
GĐ Đảm Bảo Chất Lượng
Giám Đốc Kiểm Nghiệm
Giám Đốc Cơ Điện
Giám Đốc Sản Xuất
GĐ Tổ Chức Lao Động
GĐ Kế Hoạch
GĐ Cung Ứng
GĐ Quản Trị Marketing
GĐ Điều Phối Bán hàng
GĐ Hành Chính Quản Trị
Kế Toán Trưởng
Các Giám Đốc Chi Nhánh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Ông Trịnh Xuân Vương
Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Chí Linh
Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng giám đốc

Ông Lê Minh Điểm
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đăng Thoại
Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc

Ông Trương Đức Vọng
Thành viên HĐQT

Ông Ngô Tân Long
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Tấn
Thành viên ban kiểm soát

Bà Lê Thị Năm
Trưởng ban kiểm soát

Ông Lê Vũ Thuật
Thành viên ban kiểm soát

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2012, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã họp 8 kỳ và ban hành 46 Nghị quyết, Quyết định. Tất cả các nội dung thảo luận bao gồm nhiều lĩnh vực và đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hầu hết các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ và có sự hiện diện của Ban kiểm soát. Các quy chế ban hành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

HĐQT đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 122.848.600.000 đồng lên 128.568.600.000 đồng, thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động là cán bộ chủ chốt trong Công ty (ESOP 2012 OPC).

Đã cập nhật sửa đổi bổ sung điều lệ lần thứ 10 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/04/2012 và lần thứ 11 ngày 07/08/2012 theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ khi tăng vốn điều lệ.

HĐQT đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết bổ sung tại Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM & đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán VN ngày 22/08/2012 với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 572.000 CP tương ứng với số tiền thu được là 9.724.000.000 đồng và đã bổ sung khoản vốn này vào hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

HĐQT đã giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Tổng doanh thu 2012 là 504,34 tỉ, đạt 123,06% so với cùng kỳ và vượt 7,31% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế là 75,05 tỉ, đạt 118,69% so với cùng kỳ và vượt 15,5% so với kế hoạch. Thu nhập bình quân 10,49 triệu đồng/ tháng, vượt 1 triệu đồng so với cùng kỳ & kế hoạch.

HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 là 10% bằng tiền mặt ngày 12/04/2012.

HĐQT đã thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt 10% ngày 20/12/2012 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012.

Căn cứ vào hiệu quả hoạt động SXKD và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua việc tăng thêm tỉ lệ chia cổ tức năm 2012 là 2% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/4/2012. Như vậy tổng cộng tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2012 dự kiến sẽ là 22%.

Việc công bố thông tin hầu hết được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định Thông tư 09/2010/TT-BTC & Thông tư 52/2012/TT-BTC (có hiệu lực kể từ 1/6/2012), bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2011-2016) đã thành lập 6 tiểu ban (TB) và phân công các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm như sau:

STT	Tên Tiểu Ban	Trưởng Tiểu Ban
1	TB. Quan hệ cổ đông	Ông Trịnh Xuân Vương
2	TB. Chính sách phát triển	Ông Nguyễn Chí Linh
3	TB. Lương thưởng	Ông Lê Minh Điểm
4	TB. Nhân sự	Ông Trương Đức Vọng
5	TB. Kỹ thuật công nghệ	Ông Nguyễn Đăng Thoại
6	TB. Kiểm tra nội bộ	Ông Ngô Tân Long

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC quy định về việc trích thù lao HĐQT & BKS không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2012 (LNST)	55.640.200.059
2	Thù lao HĐQT và BKS được trích theo quy định của Điều lệ là 5%	2.782.010.000
3	Thù lao HĐQT và BKS năm 2012	2.774.500.000
4	Tỷ lệ % thù lao / LNST năm 2012	4,98%

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU và GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Số lượng và tỷ lệ CP của cổ đông nội bộ tại ngày 06/3/2013 như sau.

STT	Họ & Tên	CP hạn chế	CP tự do	Tổng số CP	Tỷ lệ %
1	Trịnh Xuân Vương	55.000	848.254	903.254	7,025
2	Nguyễn Chí Linh	60.000	662.748	722.748	5,621
3	Nguyễn Đăng Thoại	50.000	153.465	203.465	1,583
4	Lê Minh Điểm		401.809	401.809	3,125
5	Trương Đức Vọng		312.585	312.585	2,431
6	Ngô Tân Long	40.000	11.895	51.895	0,404
7	Lê Thị Năm	12.000	60.000	72.000	0,560
8	Nguyễn Văn Tấn	12.000	4.550	16.550	0,129
9	Lê Vũ Thuật	12.000	17.755	29.755	0,231
10	Nguyễn Thế Đề	12.000	24.180	36.180	0,281
11	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12.000	2.115	14.115	0,110

Giao dịch của cổ đông nội bộ.

STT	Người thực hiện	Số CP đầu kỳ		Số CP cuối kỳ		Lý do
		Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %	
1	Lê Vũ Thuật	19.755	0,150	29.755	0,231	mua
2	Nguyễn Văn Tấn	26.550	0,206	16.550	0,129	bán
3	Lê Thị Năm	117.000	0,910	72.000	0,560	bán
4	Nguyễn Chí Linh	373.834	2,907	722.748	5,621	mua

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2012, Ban Kiểm Soát (BKS) đã thực hiện kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và xem xét báo cáo kiểm toán, BKS đồng ý với ý kiến của kiểm toán về các số liệu hợp nhất vào ngày 31/12/2012.

Thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ đông năm 2012 Công ty đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty kiểm toán PwC. Công ty PwC đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2012 theo qui định của Bộ Tài Chính.

Năm 2012 Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012. Tất cả hoạt động của Công ty đều phù hợp với phạm vi kinh doanh đã đăng ký.

Công ty vừa tập trung hoàn thành việc di dời và đưa nhà máy vào hoạt động theo đúng kế hoạch vừa đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông đã giao phó. Những thành quả trong năm qua Công ty đã đạt được là một sự nỗ lực rất lớn của Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2012 gặp nhiều khó khăn: Sản xuất kinh doanh nội địa tăng trưởng chậm; tồn kho hàng hóa ứ đọng; tỷ lệ thất nghiệp gia tăng; giá xăng dầu, điện, nước điều chỉnh liên tục làm tăng chi phí đầu vào; tình trạng biến đổi khí hậu, khai thác cạn kiệt cũng góp phần làm nguồn nguyên dược liệu ngày càng khan hiếm. Trong khi đó, thuốc là sản phẩm đặc biệt được Nhà nước quản lý chặt chẽ về giá và đưa vào chương trình bình ổn giá.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và đất nước năm 2012 không mấy thuận lợi, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của toàn thể CBCNV dưới sự điều hành năng động, sáng tạo của Ban điều hành; chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Hội đồng quản trị, sự ủng hộ và tín nhiệm của Quý cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2012.

ĐVT: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2011	Thực hiện
	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Thực hiện	2012/2011
Tổng doanh thu	470.000	504.340	**107,31%**	409.830	**123,06%**
Lợi nhuận trước thuế	65.000	75.050	**115,50%**	63.230	**118,69%**
Cổ tức (%)	20%	Đã trả đợt 1 (tiền mặt) 10%		20%	
Thu nhập bình quân người/tháng	9,5	10,49	**110,42%**	9,5	**110,42%**

Tổng doanh thu năm 2012 là 504,34 tỉ đồng, đạt 107,31% so với kế hoạch và 123,06% so với cùng kỳ năm trước. Trước tình hình kinh tế giảm phát chứa nhiều rủi ro và bất ổn, kết quả sản xuất kinh doanh vượt mốc 500 tỉ đồng đã đánh dấu bước đột phá trong quá trình phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Lợi nhuận trước thuế 75,05 tỷ đồng, đạt 115,5% so với kế hoạch năm và 118,69% so với cùng kỳ năm 2011.

Đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt 10% ngày 20/12/2012.

Thu nhập bình quân 10,49 triệu đồng/người/tháng, tăng 1 triệu đồng so với kế hoạch và cùng kỳ.

Mạng lưới phân phối tiếp tục được mở rộng đến các vùng miền trên toàn quốc. Việc sắp xếp, thay đổi cơ cấu tổ chức trong năm 2012 đã phát huy hiệu quả, góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần sản phẩm và nâng cao uy tín thương hiệu OPC. Đến nay, Công ty đã có 04 cửa hàng giới thiệu sản phẩm và 09 chi nhánh.

Doanh thu xuất khẩu năm 2012 là 9,224 tỷ đồng đạt 147,1% so với năm 2011 (6,27 tỷ đồng). Một số sản phẩm truyền thống và chủ lực: Cao sao vàng, Kim Tiền Thảo, Cao đại bàng, Mimosa....tiếp tục được xuất khẩu sang các thị trường: Moldova, Ukraine, Nigeria, Lào và thị trường mới (Kazakhstan); công tác thăm dò thị trường các nước trong khu vực Châu Á cũng được quan tâm.

Hoạt động quảng bá, xây dựng và phát triển thương hiệu được duy trì, uy tín sản phẩm OPC ngày càng khẳng định vị trí trên thị trường. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức 11 đợt tham quan Nhà máy mới dành cho khách hàng trên toàn quốc nhằm tri ân khách hàng đã đồng hành cùng sự phát triển của OPC. Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của OPC luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng. Công ty đã tổ chức chuỗi các hoạt động chuyên ngành: Hội chợ HVNCLC tại tỉnh Bến Tre, TP. HCM, tỉnh Bình Định; triển lãm quốc tế chuyên ngành Y Dược tại Hà Nội; tổ chức 23 cuộc hội thảo khối điều trị; tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm cho người tiêu dùng tại Hà Nội, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong năm 2012, Công ty tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng và danh hiệu cao quý: Thương hiệu Quốc gia (là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 3 lần liên tiếp), Sao vàng Đất Việt 6 năm liên tiếp (2007-2012), Hàng VNCLC 16 năm liền (1998-2013), Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam.

CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Năm 2012 nhà máy sản xuất tại Bình Dương đã đi vào hoạt động ổn định; được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế VN cấp giấy chứng nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP WHO số 86/GCN-QLD ngày 21/03/2012.

Việc đầu tư công nghệ mới tại nhà máy đã triển khai đúng kế hoạch, góp phần tăng năng suất lao động và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường:

+ Công nghệ cô dịch chiết bằng hệ thống cô song hiệu và cô chân không;

+ Công nghệ sản xuất thuốc hoàn tự động;

+ Công nghệ bao đường tự động;

+ Công nghệ đóng gói cấp 1, cấp 2 tự động;

+ Công nghệ chiết chai chân không....

Đã triển khai sản xuất 3 sản phẩm mới: Cồn xoa bóp xịt (50ml), Cồn xoa bóp (60ml), Cao sao vàng (20g). Dòng sản phẩm bột sủi Para gói 80mg - 150mg - 250mg, Cao Linh chi Nhân sâm & Cao Linh chi dự kiến đưa ra thị trường Quí I/ 2013.

Có 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước & cấp Bộ:

+ Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc CV – Artequick trên các bệnh nhân sốt rét do Plasmodium falciparum chưa biến chứng tại Việt Nam.

+ Nghiên cứu sản phẩm GILANKA dạng bào chế chứa cao bạch quả dùng một liều trong ngày.

Năm 2012, Công ty được tổ chức DNV tái cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Tháng 10/2012, Công ty bắt đầu thực hiện triển khai Dự án phần mềm quản lý Bravo nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý nghiệp vụ bán hàng & tài chính kế toán.

Tính đến 31/12/2012, OPC được Bộ Y Tế cho phép lưu hành toàn quốc 128 sản phẩm. Có 03 sản phẩm đăng ký mới và 05 sản phẩm đăng ký lại tại Lào & Myanmar. Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam đã cấp cho OPC 203 giấy chứng nhận độc quyền nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hình; Việc nộp hồ sơ quốc tế bảo hộ Logo OPC đến 27 quốc gia đã được 20 quốc gia cấp bằng độc quyền.

Phong trào sáng kiến – ý tưởng mới phát triển mạnh, đã góp phần hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến trong tác nghiệp, tăng cường tiết kiệm trong lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổng số tiền thưởng cho phong trào này hơn 431,3 triệu đồng.

DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẾ BIẾN DƯỢC LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC OPC-BẮC GIANG

Nhằm chủ động đáp ứng nguồn nguyên dược liệu, chuẩn bị triển khai áp dụng tiêu chuẩn GACP (Good Agricultural Collection Practices -Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc), Dự án Công ty Cổ phần Dược OPC - Bắc Giang đã khởi công vào tháng 2/2011, với diện tích 2,56ha.

Đến cuối Quý II/2012, giai đoạn 1 của dự án xây dựng nhà máy đã hoàn thành.

Dự án bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng, xây dựng nhà điều hành, xưởng chiết xuất, nhà kho, đường giao thông và hệ thống phụ trợ (nhà ăn, nhà lò hơi, khu xử lý nước thải,...) và trang thiết bị sản xuất chủ yếu.

Tổng giá trị thực hiện dự án khoảng 20 tỷ đồng, trong đó: xây dựng nhà xưởng và hệ thống phụ trợ là 15 tỷ, mua sắm trang thiết bị sản xuất là 5 tỷ.

Kể từ đầu Quý III, nhà máy đã đi vào vận hành và đến nay đã ổn định. Giai đoạn tiếp theo sẽ tính toán đầu tư thực hiện GMP, GACP theo lộ trình của Bộ Y tế đề ra.

DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH CÔNG NĂNG KHU ĐẤT 1017 HỒNG BÀNG-Q.6-TP.HCM

Năm 2012, Ban Điều hành triển khai thủ tục giải thể Công ty OPC EXIM theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012, do tình hình địa ốc đóng băng và không thuận lợi.

Tổng giá trị thực hiện dự án tính đến thời điểm tháng 6 năm 2012 là 6,059 tỷ đồng; Trong đó chi phí thực hiện dự án là 4,527 tỷ đồng, chi phí quản lý dự án là 1,532 tỷ đồng.

Đến nay, Ban Điều hành vẫn đang tiếp tục thương thảo với đối tác (EXIMLAND) về cách thức phân bổ chi phí dự án để tiến hành làm thủ tục giải thể công ty OPC EXIM theo luật định.

Bên cạnh đó, Hội Đồng Quản trị, Ban Điều hành vẫn đang tiếp tục tìm kiếm giải pháp để phát huy hiệu quả khi chuyển đổi công năng khu đất 1017 Hồng Bàng - P.12 - Q.6 -TP.HCM.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Trong năm 2012 Công ty đã thu xếp nguồn vốn để trả nợ vay trung dài hạn với số tiền là 28,5 tỷ đồng và đồng thời hoán chuyển nợ trung hạn sang ngắn hạn để giảm chi phí lãi vay.

Công ty đã chủ động về phần vốn lưu động, do đó luôn tìm được nguồn vốn vay với lãi suất thấp giúp giảm thiểu chi phí lãi vay, gia tăng lợi nhuận.

Quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

Việc chi trả cổ tức được thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ & Nghị quyết HĐQT.

Việc phân tích giá thành, chi phí và đánh giá từng mặt hàng kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo dõi và thúc đẩy việc thu hồi công nợ, giảm kỳ thu tiền bình quân đồng thời giảm nợ khó đòi.

Đội ngũ kế toán luôn được nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm bắt kịp thời các chính sách, quy định trong công tác tài chính kế toán.

Về đầu tư tài chính dài hạn của Công ty: Tổng số đầu tư là 25.365.000.000 đồng trong đó hai quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội và Con Hổ Việt Nam chiếm 15.175.000.000 đồng, phần còn lại là đầu tư cổ phiếu các Công ty trong ngành. Năm 2012 Công ty không trích lập thêm dự phòng cho đầu tư tài chính của hai quỹ trên mà giữ nguyên số đã trích lập năm 2011 là 7.787.500.000 đồng. Các khoản dự phòng khác được trích lập đúng theo TT 128/2009/TT-BTC và theo hướng dẫn của Cục Thuế TP.HCM.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	466.917.003.425	498.152.887.516	7%
Doanh thu thuần	409.087.718.140	503.733.430.964	23%
LN từ hoạt động kinh doanh	66.323.816.048	75.937.995.396	14%
LN khác	-3.086.111.378	2.112.622.276	168%
LN trước thuế	63.237.704.670	75.050.617.672	19%
LN sau thuế	50.476.661.493	55.744.903.479	10%

Doanh thu thuần tăng 23% nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 14%, lợi nhuận trước thuế tăng 19% và lợi nhuận sau thuế tăng 10%.

Lợi nhuận khác tăng 168% do năm 2012 công ty phải hoàn nhập số dư quỹ trợ cấp mất việc là 1,48 tỉ đồng theo thông tư 180/2012/TT-BTC. Trong khi đó năm 2011 thu nhập khác lỗ do thanh lý giá trị của nhà xưởng cũ để di dời về nhà máy sản xuất mới tại Bình Dương.

Tổng tài sản cuối năm 2012 là 498,15 tỉ đồng, tăng 7% so với năm 2011 do quy mô hoạt động kinh doanh mở rộng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1.*Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*		
- HS thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	2.30	1.91
- HS thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0.68	0.66
2.*Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	34%	32%
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	66%	68%
3.*Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*		
- Vòng quay hàng tồn kho	1.52	1.62
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0.88	1.01
4.*Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*		
- Hệ số LNST / DT thuần (ROS)	12%	11%
- Hệ số LNST / Vốn CSH (ROE)	16%	16%
- Hệ số LNST / Tổng TS (ROA)	11%	11%
- Hệ số LN từ hoạt động KD / DT thuần	16%	15%

1. Khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn qua các năm của OPC luôn lớn hơn 1, cho thấy khả năng thanh toán của công ty tốt, đảm bảo tình hình tài chính an toàn, chủ động trong thanh toán với khách hàng.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2012 là 0.66, giảm 0.02 lần, chủ yếu do hàng tồn kho tăng và thay đổi không đáng kể so với năm 2011.

2. Cơ cấu nguồn vốn:

Tại thời điểm 31/12/2012 vốn chủ sở hữu chiếm 68%, Nợ phải trả là 32%. So với cuối năm 2011 vốn chủ sở hữu chiếm 66%, nợ phải trả 34%. Như vậy tỉ lệ nợ phải trả giảm 2% do công ty chủ động trả nợ vay ngân hàng nhằm giảm gánh nặng chi phí lãi vay trong tình hình lãi suất ngân hàng tăng cao. Mặt khác, nguồn vốn chủ sở hữu hàng năm tăng lên do lợi nhuận tăng.

3. Vòng quay hàng tồn kho:

Năm 2012 vòng quay hàng tồn kho là 1.62 lần, năm 2011 là 1.52 lần, tăng 0.10 lần do công ty sử dụng và dự trữ hàng tồn kho có kế hoạch và hợp lý nên hiệu quả hơn.

4. Khả năng sinh lời:

Năm 2012 : Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 16% và tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) là 11% so với năm 2011 khả năng sinh lời của hai chỉ số này vẫn ổn định, không biến động.

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) năm 2012 là 11%, năm 2011 là 12% giảm 1%. Do công ty phải tăng chi phí, mở rộng thị trường, nhằm mục tiêu tăng trưởng doanh thu nên tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu giảm.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC & CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại thời điểm 31/12/2012, tổng số lao động Công ty là 671 người, cơ cấu so với năm 2011 như sau:

Cơ cấu lao động	Năm 2011	Năm 2012	Tỷ lệ %
Đại học và sau đại học	125	150	120,0
Cao đẳng và THCN	170	236	138,8
Công nhân kỹ thuật	305	285	93,4
Tổng cộng	**600**	**671**	**111,8**

Song song áp dụng chính sách địa phương hóa nguồn lao động giản đơn, Công ty đã tiếp tục duy trì và điều chỉnh một số chính sách nhằm hỗ trợ kịp thời, động viên người lao động tiếp tục đồng hành với Công ty làm việc ổn định tại nhà máy Bình Dương. Duy trì xe đưa rước CBCNV có trình độ chuyên môn kỹ thuật; duy trì trợ cấp trượt giá 300.000 đồng/ người/ tháng; trợ cấp từ 500.000 - 800.000 đồng/ tháng cho CBCNV làm việc tại nhà máy Bình Dương; thời gian lao động từ 7h30 đến 15h30 bao gồm cả 1 giờ ăn và nghỉ trưa theo quy định.

Các chế độ, chính sách khác liên quan đến người lao động được duy trì, tuân thủ theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa Công đoàn và người sử dụng lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp). Công ty đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể CBCNV tại Trung tâm Y khoa Hòa Hảo; tổ chức du lịch nghỉ mát; các loại tiền thưởng (3 tháng thưởng hoàn thành kế hoạch, tiền lễ, tết,...) được chi trả kịp thời nhằm động viên tinh thần làm việc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Thu nhập bình quân tháng/ người đạt 10,49 triệu đồng, vượt 1 triệu đồng so với kế hoạch năm 2012 và thực hiện năm 2011.

Năm 2012, Công ty đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập (1977-2012). Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đã diễn ra phong phú, sinh động nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV OPC.

Hưởng ứng lễ phát động phong trào thi đua vượt mốc 470 tỉ đồng, Cúp Vàng kinh doanh OPC đã trao cho 78 cá nhân & 8 chi nhánh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh năm 2012. Tổng số tiền thưởng của phong trào này là 231,9 triệu đồng.

Để cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 612 lượt người bao gồm nhiều lĩnh vực: GPs, ISO, công cụ thống kê cải tiến/ kiểm soát chất lượng, phương pháp phân tích và thực hành kỹ thuật sắc ký lỏng, huấn luyện máy móc thiết bị, kỹ năng quản lý của Quản đốc & Tổ trưởng, Giám đốc Kinh doanh, nghiệp vụ đấu thầu, khai báo thuế, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn Chi nhánh, phần mềm BraVo, nghiệp vụ tiền lương, ...Ngoài ra, công ty cũng đã tiếp nhận thực tập, huấn luyện đào tạo cho sinh viên từ các trường Trung cấp Dược, Đại học Dược và các trường khác trong ngoài nước gởi đến tham quan và học tập.

CÔNG TÁC XÃ HỘI

Trong năm 2012, nhiều hoạt động xã hội được CBCNV Công ty quan tâm và hưởng ứng như: ủng hộ quỹ người nghèo quận 6, quỹ đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh, xây dựng đài tưởng niệm liệt sĩ Nghệ An, cuộc vận động vì Hoàng Sa, Trường Sa; tổ chức họp mặt truyền thống, khám chữa bệnh từ thiện, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi... Tổng số tiền đóng góp là 236 triệu đồng.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Tổng doanh thu : 550 tỉ đồng.

Lợi nhuận trước thuế : 80 tỉ đồng.

Cổ tức : 20%.

Thu nhập bình quân : 10,5 triệu đồng/ tháng/ người.

VỀ CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM KHÁC

Tiếp tục mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới phân phối, quan tâm giữ vững và phát triển thị phần, tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.

Trong năm 2013, sẽ thành lập thêm một số chi nhánh nội địa và cơ quan đại diện tại nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác đăng ký thuốc, tiếp tục triển khai sản xuất các mặt hàng mới, cải tiến phát triển sản phẩm, bao bì đóng gói đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và xuất khẩu.

Hoàn thiện và phát huy hiệu quả dự án Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu OPC Bắc Giang, trong đó có phạm vi nuôi trồng và thu hái dược liệu theo xu hướng đạt tiêu chuẩn GACP.

Phát triển đồng bộ các giải pháp về sản phẩm và thị trường: cơ cấu sản phẩm, nguồn nguyên liệu, công nghệ sản xuất, mạng lưới phân phối, chính sách phân phối, gắn kết nguyện vọng và lợi ích của CBCNV với kỳ vọng của nhà đầu tư và sự phát triển chung của Công ty.

Bằng các giải pháp khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để cải tiến quy trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, gia tăng lợi nhuận.

Tiếp tục đầu tư bổ sung trang thiết bị sản xuất theo hướng tự động hóa.

Tăng cường hợp tác nghiên cứu những sản phẩm có đầu tư tốt tiêu chuẩn hóa chất lượng, đặc biệt là đánh giá tác dụng dược lý và lâm sàng.

Triển khai dự án phần mềm Bravo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý công tác tài chính – kế toán – kinh doanh trong hệ thống Công ty và từng bước đáp ứng theo yêu cầu quy định mới của ngành và các cấp quản lý.

KẾT LUẬN

Được dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2013 có dấu hiệu tích cực và hồi phục nhưng vẫn còn nhiều thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Lộ trình cam kết thực hiện WTO đối với ngành dược sẽ tiếp tục tạo nhiều sức ép cho các Công ty nội địa, đặc biệt là Công ty sản xuất thuốc từ dược liệu. Những bất cập trong công tác quản lý nhà nước và quản lý ngành sẽ tiếp tục là những băn khoăn của Doanh nghiệp Việt Nam, các Công ty Dược nói chung và OPC nói riêng.

Đoàn kết, Tiết kiệm, Sáng tạo và Phát triển

đó chính là Slogan của OPC năm 2013.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Trích lục từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính
kết thúc ngày 31/12/2012, được kiểm toán bởi
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

pwc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 3 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12 số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.	
Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đăng Thoại	Thành Viên
	Ông Lê Minh Điểm	Thành Viên
	Ông Trương Đức Vọng	Thành Viên
	Ông Ngô Tân Long	Thành Viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám Đốc
	Ông Nguyễn Đăng Thoại	Phó Tổng Giám Đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	1017 Hồng Bàng, Quận 6, TP Hồ Chí Minh	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn, thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2013

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 11 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không bao gồm các sai phạm trọng yếu.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, Fax:+84 (8) 38251947, www.pwc.com/vn

pwc

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM
S.G.C.N: 4110430000993-Đ.T.N.NG
QUẬN 1 TP HỒ CHÍ MINH

Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Cao Nguyên
Số chứng chỉ KTV: 1184/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3407
Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
100	**Tài sản ngắn hạn**		**254.738.809.035**	**214.832.430.315**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**26.747.448.421**	**11.417.246.920**
111	Tiền		14.947.448.421	11.417.246.920
112	Các khoản tương đương tiền		11.800.000.000	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**60.039.696.832**	**48.145.857.644**
131	Phải thu của khách hàng		57.074.200.234	44.916.144.177
132	Trả trước cho người bán		3.400.299.940	4.322.790.350
135	Các khoản phải thu khác		90.195.294	103.276.449
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(524.998.636)	(1.196.353.332)
140	**Hàng tồn kho**		**166.059.222.293**	**151.325.744.118**
141	Hàng tồn kho	4	166.059.222.293	151.325.744.118
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**1.892.441.489**	**3.943.581.633**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		258.038.568	590.488.997
152	Thuế GTGT được khấu trừ		356.646.365	2.575.021.869
158	Tài sản ngắn hạn khác	5	1.277.756.556	778.070.767
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**243.414.078.481**	**252.084.573.110**
220	**Tài sản cố định**		**218.932.580.085**	**229.958.533.290**
221	Tài sản cố định hữu hình	6(a)	206.697.262.780	192.451.431.592
222	Nguyên giá		308.274.190.681	270.660.016.171
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(101.576.927.901)	(78.208.584.579)
227	Tài sản cố định vô hình	6(b)	12.181.460.396	12.445.367.564
228	Nguyên giá		12.924.659.400	12.924.659.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(743.199.004)	(479.291.836)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6(c)	53.856.909	25.061.734.134
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	7	**22.827.500.000**	**21.702.500.000**
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.250.000.000	5.250.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		25.365.000.000	24.240.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(8.787.500.000)	(7.787.500.000)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**1.653.998.396**	**423.539.820**
261	Chi phí trả trước dài hạn		300.004.000	400.000.000
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.326.994.396	5.070.820
268	Tài sản dài hạn khác		27.000.000	18.469.000
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**498.152.887.516**	**466.917.003.425**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**157.975.864.835**	**160.896.049.803**
310	**Nợ ngắn hạn**		**133.485.970.149**	**93.541.218.454**
311	Vay và nợ ngắn hạn	8(a)	50.627.383.643	24.994.046.510
312	Phải trả cho người bán		25.269.105.174	29.195.837.012
313	Người mua trả tiền trước		135.386.918	1.770.231.209
314	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9	10.946.559.080	5.385.888.030
315	Phải trả người lao động		17.746.257.799	7.265.174.186
316	Chi phí phải trả	10	1.504.904.564	1.903.030.420
319	Các khoản phải trả khác	11	14.945.108.067	13.679.868.813
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12	12.311.264.904	9.347.142.274
330	**Nợ dài hạn**		**24.489.894.686**	**67.354.831.349**
333	Phải trả dài hạn khác		2.632.600.000	2.632.600.000
334	Vay và nợ dài hạn	8(b)	16.670.405.600	63.106.863.205
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		303.836	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	1.615.368.144
337	Dự phòng phải trả dài hạn khác	13	5.186.585.250	-
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**340.177.022.681**	**306.020.953.622**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**340.177.022.681**	**306.020.953.622**
411	Vốn cổ phần	14,15	128.568.600.000	122.848.600.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	15	72.468.790.783	68.464.790.783
417	Quỹ đầu tư phát triển	15	110.236.817.755	72.053.867.755
418	Quỹ dự phòng tài chính	15	12.777.320.000	11.160.432.125
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	16.125.494.143	31.493.262.959
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**498.152.887.516**	**466.917.003.425**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã bao gồm số ngoại tệ là 11.852 Đô-la Mỹ và 2.925 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 74.292 Đô-la Mỹ và 2.920 Euro).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Hồ Thị Hải Vân	Nguyễn Thế Đề	Nguyễn Chí Linh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Mẫu số B 02 – DN/HN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
01	**Doanh thu bán hàng**	18(a)	**504.338.800.463**	**409.828.444.388**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		605.369.499	740.726.248
10	**Doanh thu thuần về bán hàng**		**503.733.430.964**	**409.087.718.140**
11	**Giá vốn hàng bán**	19	**257.207.871.842**	**200.902.244.391**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**246.525.559.122**	**208.185.473.749**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18(b)	968.263.851	2.884.589.209
22	Chi phí tài chính	20	14.315.153.330	15.840.325.589
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*13.210.170.829*	*6.842.292.072*
24	Chi phí bán hàng	21	109.304.069.169	84.443.424.744
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	47.936.605.078	44.462.496.577
30	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**75.937.995.396**	**66.323.816.048**
31	Thu nhập khác		2.255.830.979	745.873.893
32	Chi phí khác		143.208.703	3.831.985.271
40	**Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần**	23	**2.112.622.276**	**(3.086.111.378)**
45	Lỗ từ hoạt động liên doanh		3.000.000.000	-
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**75.050.617.672**	**63.237.704.670**
51	**Chi phí thuế TNDN - hiện hành**	24	**20.627.333.933**	**12.792.781.582**
52	**Chi phí thuế TNDN - hoãn lại**	24	**(1.321.619.740)**	**(31.738.406)**
60	**Lợi nhuận sau thuế**		**55.744.903.479**	**50.476.661.494**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	17	**4.454**	**4.091**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Hồ Thị Hải Vân	Nguyễn Thế Đề	Nguyễn Chí Linh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**75.050.617.672**	**63.237.704.670**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		23.714.601.403	17.791.926.369
03	Tăng các khoản dự phòng		3.328.645.304	7.868.109.168
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.215.342)	77.136.479
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(986.139.418)	3.847.155.189
06	Chi phí lãi vay		13.210.170.829	6.842.292.072
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**114.316.680.448**	**99.664.323.947**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(10.865.938.071)	11.960.971.125
10	Tăng hàng tồn kho		(14.733.478.175)	(23.175.067.547)
11	Tăng các khoản phải trả		7.829.575.435	4.930.615.301
12	Giảm các chi phí trả trước		432.446.429	3.056.458
13	Tiền lãi vay đã trả		(13.210.170.829)	(6.842.292.072)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.503.173.667)	(14.502.855.547)
15	Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh		595.519.345	2.509.948.978
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.634.024.504)	(8.837.040.787)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**68.227.436.411**	**65.711.659.856**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(12.688.648.198)	(99.104.547.103)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		19.090.909	105.004.546
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.125.000.000)	(4.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		967.048.509	1.242.097.690
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(16.827.508.780)**	**(101.757.444.867)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu		9.724.000.000	-
33	Tiền vay nhận được		102.950.463.634	77.622.982.455
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(123.753.584.106)	(40.499.753.617)
36	Cổ tức đã trả		(24.991.821.000)	(20.549.477.500)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(36.070.941.472)**	**16.573.751.338**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**15.328.986.159**	**(19.472.033.673)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**11.417.246.920**	**30.897.409.340**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		1.215.342	(8.128.747)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**26.747.448.421**	**11.417.246.920**

Hồ Thị Hải Vân	Nguyễn Thế Đề	Nguyễn Chí Linh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển thể từ Xí Nghiệp Dược Phẩm Trung Ương 26 (doanh nghiệp nhà nước có số đăng ký kinh doanh 102652 do Trọng tài kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993), theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 8 tháng 2 năm 2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 671 nhân viên (tại ngày 31.12.2011: 600 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các công ty con, liên doanh và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký Tỷ đồng Việt Nam	Vốn điều lệ đăng ký Đô-la Mỹ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con:				
Công ty TNHH Một thành viên Dược Phẩm OPC Bình Dương ("OPC Bình Dương").	Sản xuất hóa dược và buôn bán hóa phẩm, đồ uống.	15	-	100%
Liên doanh:				
Công ty Cổ Phần Địa ốc OPC EXIM.	Kinh doanh bất động sản.	6	-	50%
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát Triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – TP Quảng Châu, Trung Quốc.	Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác.	-	250.000	50%
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang ("OPC Bắc Giang").	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng.	15	-	40%

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các chính sách kế toán được áp dụng khi soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong niên độ trước.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Hợp nhất báo cáo

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp. thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

Liên doanh và các bên liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ khó đòi được xóa sổ khi được xác định.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.9 Kế toán các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có sở hữu với tỉ lệ ít hơn 20% phần vốn ở các tổ chức chưa niêm yết. Tập đoàn không có ý định thanh lý các khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm giá trị các đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính của nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa. vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện các khoản chi tiêu thực tế đã chi để mang lại lợi ích kinh tế cho nhiều kỳ kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng của các kỳ kế toán đó.

2.12 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi, cổ tức, lợi nhuận

Thu nhập lãi, cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi được hưởng.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.15 Chia cổ tức

Phần cổ tức của cổ đông Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp tạm ứng cổ tức) phê chuẩn.

2.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác. v v..

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(c) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Tiền mặt	1.609.449.109	2.215.424.774
Tiền gửi ngân hàng	13.337.999.312	9.201.822.146
Các khoản tương đương tiền (*)	11.800.000.000	-
	26.747.448.421	11.417.246.920

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gởi có kỳ hạn không quá 3 tháng tính từ ngày gửi.

4 HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	-	22.300.539.600
Nguyên vật liệu tồn kho	88.050.170.513	83.345.565.154
Công cụ, dụng cụ trong kho	209.721.165	620.789.749
Chi phí SXKD dở dang	3.094.088.759	4.857.424.991
Thành phẩm tồn kho	74.075.547.337	39.060.701.419
Hàng hóa	629.694.519	1.140.723.205
	166.059.222.293	151.325.744.118

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một phần giá trị hàng tồn kho của Tập đoàn trị giá là 12 tỷ đồng đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 8(a)).

5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.139.352.556	566.366.267
Tạm ứng cho nhân viên	138.404.000	211.704.500
	1.277.756.556	778.070.767

6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa. vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	169.496.766.842	86.360.955.531	10.728.037.241	4.074.256.557	**270.660.016.171**
Mua sắm mới	464.178.182	5.379.975.279	3.301.602.036	203.100.002	**9.348.855.499**
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 6(c))	3.928.672.728	24.479.502.572	-	-	**28.408.175.300**
Thanh lý	-	-	(17.247.316)	(12.275.640)	**(29.522.956)**
Giảm khác	-	(113.333.333)	-	-	**(113.333.333)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	173.889.617.752	116.107.100.049	14.012.391.961	4.265.080.919	**308.274.190.681**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	27.720.016.699	42.616.095.280	5.171.969.407	2.700.503.193	**78.208.584.579**
Khấu hao trong năm	8.641.393.683	12.884.298.047	1.455.428.990	469.573.515	**23.450.694.235**
Thanh lý	-	-	(17.247.316)	(12.275.640)	**(29.522.956)**
Giảm khác	-	(52.827.957)	-	-	**(52.827.957)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	36.361.410.382	55.447.565.370	6.610.151.081	3.157.801.068	**101.576.927.901**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	141.776.750.143	43.744.860.251	5.556.067.834	1.373.753.364	**192.451.431.592**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	137.528.207.370	60.659.534.679	7.402.240.880	1.107.279.851	**206.697.262.780**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 54 tỷ đồng (tại ngày 31.12.2011: 49 tỷ đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng tài sản cố định của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tương đương giá trị còn lại là 166 tỷ đồng (Thuyết minh 8).

6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012	12.633.524.400	291.135.000	**12.924.659.400**
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	411.360.336	67.931.500	**479.291.836**
Hao mòn trong năm	205.680.168	58.227.000	**263.907.168**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	617.040.504	126.158.500	**743.199.004**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	12.222.164.064	223.203.500	**12.445.367.564**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	12.016.483.896	164.976.500	**12.181.460.396**

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	25.061.734.134	75.656.645.603
Tăng trong năm	3.420.818.075	97.829.627.664
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 6(a))	(28.408.175.300)	(146.367.899.886)
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	(20.520.000)	(2.056.639.247)
Số dư cuối năm	53.856.909	25.061.734.134

6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi tiết số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Máy móc thiết bị chờ lắp đặt	-	4.539.406.747
Dự án nhà máy GMP – WHO Bình Dương	53.856.909	20.522.327.387
	53.856.909	25.061.734.134

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Đầu tư vào liên doanh, công ty liên kết	(i)	6.250.000.000	5.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	25.365.000.000	24.240.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(iii)	(8.787.500.000)	(7.787.500.000)
		22.827.500.000	21.702.500.000

(i) Đầu tư vào liên doanh, công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)	Vốn đầu tư của Công ty tại ngày 31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Đầu tư vào liên doanh			
Công ty Cổ Phần Địa ốc OPC EXIM (a)	50%	-	3.000.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát Triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – TP Quảng Châu, Trung Quốc (b)	50%	250.000.000	250.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết			
OPC Bắc Giang (c)	40%	6.000.000.000	2.000.000.000
		6.250.000.000	5.250.000.000

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào liên doanh, công ty liên kết (tiếp theo)

(a) Công ty Cổ phần Địa ốc OPC EXIM ("OPC EXIM")

OPC EXIM được thành lập nhằm đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cao ốc căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại số 1017 Hồng Bàng ("Dự án") – hiện đang là văn phòng của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC. Theo nội dung của hợp đồng, Công ty sẽ góp 50% vốn – tương ứng với 3.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng tương ứng với thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Địa ốc OPC EXIM là 50 năm.

Ngày 28 tháng 3 năm 2012, Công ty đã gởi Công văn số 204/TCHCTH đến EximLand về việc chấm dứt việc hợp tác Dự án. Ngày 18 tháng 4 năm 2012, EximLand đã gởi Công văn số 41/2012/CV-EXL phúc đáp việc đồng ý chấm dứt Dự án và giải thể OPC EXIM. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và EximLand đang thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và tất toán số liệu để hoàn tất việc thanh lý.

(b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát Triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – TP Quảng Châu, Trung Quốc ("Kiện Kiều")

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiều ký ngày 26 tháng 5 năm 2001. Hợp đồng hợp tác kinh doanh này nhằm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác. Theo nội dung của hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn. Lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm, tương ứng với thời gian hoạt động theo giấy phép đầu tư. Tại ngày 24 tháng 4 năm 2012, Công ty và Kiện Kiều đã ký kết lại hợp đồng hợp tác kinh doanh thời hạn 10 năm.

(c) OPC Bắc Giang

OPC Bắc Giang được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2010 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400498591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15 tỷ đồng. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn vào các chứng chỉ quỹ và cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại ngày 31.12.2012		Tại ngày 31.12.2011	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội	5.000	5.075.000.000	500.000	5.075.000.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Con Hổ Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	1.000.000	10.100.000.000
Công ty CP Vật tư Y tế dược Thái Bình	7.000	790.000.000	7.000	790.000.000
Công ty CP Dược phẩm TW VIDIPHA	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
Công ty CP Dược Hà Tĩnh	225.000	2.750.000.000	112.500	1.625.000.000
Công ty CP Bao bì Dược	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty CP Dược và TBVTYT Tuyên Quang	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
		25.365.000.000		24.240.000.000

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	7.787.500.000	-
Các khoản dự phòng trong năm (Thuyết minh 20)	1.000.000.000	7.787.500.000
Số dư cuối năm	8.787.500.000	7.787.500.000

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn chủ yếu thể hiện khoản dự phòng cho Quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội và Quỹ đầu tư Chứng khoán Con Hổ Việt Nam.

8 CÁC KHOẢN VAY

(a) Khoản vay ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Công ty vay ngắn hạn ngân hàng (*)	34.597.378.126	5.902.488.576
OPC Bình Dương vay ngắn hạn ngân hàng (**)	3.944.802.717	7.750.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	12.085.202.800	11.341.557.934
	50.627.383.643	24.994.046.510

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với tổng hạn mức là 75 tỷ đồng với mức lãi suất từ 11,5% đến 12,5%/năm cho khoản vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 6(a)). Khoản vay được dùng cho để hỗ trợ vốn lưu động của Công ty.

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu với hạn mức tín dụng là 8 tỷ đồng với mức lãi suất từ 11,5% đến 15,5%. Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho bình quân trị giá tối thiểu 12 tỷ đồng (Thuyết minh 4).

(b) Khoản vay dài hạn

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Công ty vay dài hạn (*)	28.755.608.400	74.448.421.139
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả	(12.085.202.800)	(11.341.557.934)
	16.670.405.600	63.106.863.205

(*) Đây là khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng và chịu lãi suất 14%/năm cho khoản vay bằng đồng Việt Nam và 4,5%/năm cho các khoản vay bằng Đô-la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 6(a)).

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	57.587.390	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.977.267	37.716.402
Thuế nhập khẩu	21.200.821	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.202.716.257	4.124.566.862
Thuế thu nhập cá nhân	655.077.345	1.223.604.766
	10.946.559.080	5.385.888.030

10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Chi phí điện sản xuất	60.700.300	482.482.300
Chi phí nhiên liệu sản xuất	-	352.800.000
Chi phí tiền ăn giữa ca, độc hại	70.156.997	341.472.096
Chi phí kiểm toán	356.526.500	253.945.230
Chi phí đưa rước cán bộ công nhân viên	-	173.190.000
Chi phí nghiên cứu	426.314.169	-
Chi phí quảng cáo	235.409.091	-
Chi phí khác	355.797.507	299.140.794
	1.504.904.564	1.903.030.420

11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Kinh phí công đoàn	1.015.520.087	662.688.063
Bảo hiểm xã hội	253.737.380	2.229.150
Phải trả cổ tức (Thuyết minh 16)	13.336.850.600	12.614.951.600
Phải trả thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	400.000.000
Các khoản khác	339.000.000	-
	14.945.108.067	13.679.868.813

12 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	9.347.142.274	9.865.506.136
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại (Thuyết minh 15)	5.558.038.780	5.234.948.608
Sử dụng quỹ	(2.530.288.370)	(5.753.312.470)
Hoàn nhập vào lợi nhuận giữ lại do trích thừa	(63.627.780)	-
Số dư cuối năm	12.311.264.904	9.347.142.274

13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Đây là khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo qui định của Luật Lao động (Thuyết minh 2.19).

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	Tại ngày 31.12.2012	Tại ngày 31.12.2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước	12.856.860	12.284.860
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.856.860	12.284.860

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 81.900.000.000 đồng, tương đương 8.190.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của cổ đông của Công ty như sau:

	Tại ngày 31.12.2012			Tại ngày 31.12.2011		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ	Số vốn góp (1.000 VNĐ)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ	Số vốn góp (1.000 VNĐ)
Cổ đông nhà nước	2.375.100	18%	23.751.000	2.375.100	19%	23.751.000
Các cổ đông khác	10.481.760	82%	104.817.600	9.909.760	81%	99.097.600
	12.856.860	100%	128.568.600	12.284.860	100%	122.848.600

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	81.900.000.000	109.413.390.783	-	64.309.867.755	8.646.432.125	29.887.416.955	**294.157.107.618**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	50.476.661.494	**50.476.661.494**
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	40.948.600.000	(40.948.600.000)	-	-	-	-	**-**
Trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	7.744.000.000	2.514.000.000	(10.258.000.000)	**-**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.234.948.608)	**(5.234.948.608)**
Trích thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(400.000.000)	**(400.000.000)**
Chia cổ tức đợt cuối năm 2010	-	-	-	-	-	(12.285.000.000)	**(12.285.000.000)**
Chia cổ tức đợt 1 năm 2011	-	-	-	-	-	(8.190.000.000)	**(8.190.000.000)**
Chia cổ tức đợt 2 năm 2011	-	-	-	-	-	(12.284.860.000)	**(12.284.860.000)**
Phân chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	-	(218.006.882)	**(218.006.882)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	**122.848.600.000**	**68.464.790.783**	**-**	**72.053.867.755**	**11.160.432.125**	**31.493.262.959**	**306.020.953.622**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	122.848.600.000	68.464.790.783	-	72.053.867.755	11.160.432.125	31.493.262.959	**306.020.953.622**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.744.903.479	**55.744.903.479**
Tăng vốn trong năm (*)	5.720.000.000	4.004.000.000	-	-	-	-	**9.724.000.000**
Trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	38.331.956.542	1.690.391.146	(40.022.347.688)	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.558.038.780)	**(5.558.038.780)**
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(149.006.542)	(73.503.271)	286.137.593	**63.627.780**
Chia cổ tức lần 1 năm 2012	-	-	-	-	-	(12.856.860.000)	**(12.856.860.000)**
Tạm chia cổ tức lần 2 năm 2012	-	-	-	-	-	(12.856.860.000)	**(12.856.860.000)**
Phân chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	-	(104.703.420)	**(104.703.420)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**128.568.600.000**	**72.468.790.783**	**-**	**110.236.817.755**	**12.777.320.000**	**16.125.494.143**	**340.177.022.681**

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 7 năm 2012, Hội đồng Quản trị quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động là cán bộ chủ chốt của Công ty. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 572.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) với mức giá bán là 17.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá và giá bán tương ứng là 5.720.000.000 đồng và 9.724.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 117/2012/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung và giao dịch số cổ phiếu phát hành thêm này.

16 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	12.614.951.600	404.569.100
Cổ tức được công bố trong năm (Thuyết minh 15)	25.713.720.000	32.759.860.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt trong năm	(24.991.821.000)	(20.549.477.500)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 11)	13.336.850.600	12.614.951.600

17 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.744.903.479	50.476.661.494
Trong đó:		
- Lợi nhuận chia cho bên hợp tác kinh doanh	104.703.420	218.006.882
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty	55.640.200.059	50.258.654.612
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	55.640.200.059	50.258.654.612
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	12.493.287	9.098.722
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	4.454	5.524
Lãi pha loãng trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	4.454	4.091

18 DOANH THU

(a) Doanh thu

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán thành phẩm	494.769.810.903	409.069.468.343
Doanh thu bán hàng hoá khác	9.559.096.260	758.976.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.893.300	-
	504.338.800.463	409.828.444.388

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	276.199.509	811.358.690
Cổ tức được chia	690.849.000	430.739.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.215.342	1.642.491.519
	968.263.851	2.884.589.209

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn bán thành phẩm	248.397.015.836	200.201.496.627
Giá vốn hàng hóa	8.810.856.006	700.747.764
	257.207.871.842	200.902.244.391

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí lãi vay	13.210.170.829	6.842.292.072
Lỗ chênh lệch tỷ giá	104.982.501	1.210.533.517
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 7)	1.000.000.000	7.787.500.000
	14.315.153.330	15.840.325.589

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	52.292.346.378	40.575.149.171
Khấu hao tài sản cố định	2.021.688.901	1.735.419.013
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo và tiếp thị	32.153.113.993	27.003.964.519

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	20.126.307.763	15.485.858.109
Khấu hao tài sản cố định	2.419.891.890	7.959.090.323
Chi phí nghiên cứu	2.460.185.149	1.649.790.732
Thuế và các khoản phí khác	1.998.193.324	1.459.539.923

23 LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC – SỐ THUẦN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	493.090.908	449.454.540
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	19.090.909	105.004.546
Thu nhập khác	258.529.591	191.414.807
Thu nhập từ hoàn nhập trợ cấp thất nghiệp	1.485.119.571	-
	2.255.830.979	745.873.893
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	3.749.867.503
Chi phí khấu hao của tài sản cố định vượt mức khống chế	59.948.748	19.982.916
Chi phí khác	83.259.955	62.134.852
	143.208.703	3.831.985.271
Lợi nhuận/(lỗ) khác – Số thuần	2.112.622.276	(3.086.111.378)

24 THUẾ

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC:

Bắt đầu từ năm 2012, Công ty hết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") và áp dụng thuế suất 25% theo qui định hiện hành.

OPC Bình Dương:

OPC Bình Dương được giảm thuế TNDN 50% trong 2 năm 2010 và 2011. Bắt đầu từ năm 2012, OPC Bình Dương hết được hưởng ưu đãi thuế TNDN và áp dụng thuế suất 25% theo qui định hiện hành.

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Tập đoàn, như sau:

24 THUẾ (tiếp theo)

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Tập đoàn, như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.050.617.672	63.237.704.670
Thuế tính ở thuế suất tương ứng	18.762.654.418	12.647.540.934
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(173.016.086)	(93.821.599)
Chi phí không được khấu trừ	690.798.598	1.104.115.293
Chệnh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính	25.277.263	274.695
Chênh lệch thuế suất từ thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	-	(755.702.532)
Chênh lệch thuế suất giữa công ty mẹ và công ty con	-	(141.363.615)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.305.714.193	12.761.043.176

Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	20.627.333.933	12.792.781.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(1.321.619.740)	(31.738.406)
	19.305.714.193	12.761.043.176

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

25 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
(i) Mua nguyên vật liệu		
Công ty liên kết	15.172.324.000	-

25 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
(ii) *Các khoản chi bao gồm lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát như sau:*		
Lương và lợi ích khác	6.208.786.125	5.893.470.139
iii) Các hoạt động tài chính		
Cổ tức đã công bố (Thuyết minh 15)	25.713.720.000	32.759.860.000
Góp vốn đầu tư vào liên doanh	-	2.000.000.000
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 7)	4.000.000.000	2.000.000.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Phải trả cho người bán		
Công ty liên kết	3.900.196.070	-

26 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Tập đoàn hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là ngành dược phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	267.488.330.097	186.056.447.809
Chi phí nhân công	100.176.675.686	74.887.442.052
Chi phí khấu hao	23.714.601.403	17.791.926.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.475.547.982	4.079.152.450
Chi phí khác bằng tiền	60.494.968.550	48.164.283.860
	457.350.123.718	330.979.252.540

28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(1) Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Tập đoàn phải chịu rủi ro từ đồng Đô La Mỹ ("USD") vì các giao dịch mua hàng lớn và vay đều bằng USD.

Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng cách giữ mức độ rủi ro ngoại tệ ở một mức chấp nhận được thông qua việc thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay để xử lý việc mất cân đối ngoại tệ ngắn hạn. Công ty không tham gia các giao dịch mua bán, hoán đổi ngoại tệ vì Tập đoàn cho rằng chi phí của các công cụ này là cao hơn rủi do tiềm tàng của biến động của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Tập đoàn được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc (USD)		Quy đổi sang VNĐ	
	2012	2011	2012	2011
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	11.852	74.292	246.853.456	1.547.363.773
Phải thu khách hàng	110.376	8.378	2.298.906.371	174.490.111
	122.228	**82.670**	**2.545.759.827**	**1.721.853.884**
Nợ tài chính				
Các khoản vay	(120.300)	(599.792)	(2.505.608.400)	(12.492.467.776)
Tạm ứng từ khách hàng	(69)	(78.512)	(1.446.296)	(1.635.251.060)
	(120.369)	**(678.304)**	**(2.507.054.696)**	**(14.127.718.836)**
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	**1.859**	**(595.634)**	**38.705.131**	**(12.405.864.952)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đô-la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ cao hơn/thấp hơn 3.870.513 đồng, chủ yếu là do lãi/lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ.

(b) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu lãi suất VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 647.921.808 đồng (2011: 881.009.098 đồng) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Chính sách của Tập đoàn là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(3) Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	41.854.504.723	-	2.632.600.000
Các khoản vay	50.627.383.643	16.670.405.600	-
	92.481.888.366	16.670.405.600	2.632.600.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	46.548.967.454	-	2.632.600.000
Các khoản vay	24.994.046.510	21.035.621.068	42.071.242.137
	71.543.013.964	21.035.621.068	44.703.842.137

29 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Trong vòng 1 năm	1.088.673.300	1.088.673.300
Từ 2 đến 5 năm	4.354.693.200	4.354.693.200
Trên 5 năm	3.266.019.900	4.354.693.200
	8.709.386.400	9.798.059.700

Khoản cam kết này chủ yếu liên quan đến tiền thuê đất tối thiểu mà Tập đoàn phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2013.

Hồ Thị Hải Vân	Nguyễn Thế Đề	Nguyễn Chí Linh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC

1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 84.08.37517111 I Fax: 84.08.38752048
Email: info@opcpharma.com I Web: opcpharma.com

1017 Hong Bang Str., Ward 12, District 6, Ho Chi Minh City
Tel: 84.08.37517111 I Fax: 84.08.38752048
Email: info@opcpharma.com I Web: opcpharma.com